

XÂY DỰNG MÔ HÌNH XÃ HỘI TÁI CHẾ HƯỚNG ĐẾN KINH TẾ TUẦN HOÀN THEO PHÁP LUẬT NHẬT BẢN VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

TRẦN THỊ TRÚC MINH

Khoa Luật Thương mại, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Commercial Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: tttminh@hcmulaw.edu.vn

PHẠM CAO TIỆP

Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Administrative Law – State, Ho Chi Minh City University of Law
Email: caotiep0410hcmulaw@gmail.com

PHAN THANH TUYỀN

Viện Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hữu Nghị các dân tộc Nga
Law Institute, Peoples' Friendship University of Russia
Email: pttuyen2009.st@gmail.com

Tóm tắt

Bài viết phân tích mô hình xã hội dựa trên tái chế hướng đến kinh tế tuần hoàn theo pháp luật Nhật Bản. Tại Việt Nam, kinh tế tuần hoàn là một vấn đề còn khá mới mẻ, chúng ta vẫn chưa tạo dựng được hành lang pháp lý vững chắc nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả mô hình này. Do vậy, việc nghiên cứu so sánh và rút kinh nghiệm từ pháp luật Nhật Bản sẽ góp phần tạo nên một kênh để tham khảo và là cơ sở quan trọng hỗ trợ việc thực hiện các hoạt động nghiên cứu, xây dựng chính sách có liên quan đến phát triển mô hình xã hội tái chế hướng đến kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

Từ khóa: tái chế, xã hội dựa trên tái chế, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường

Abstract

The article analyzes a social model based on recycling towards a circular economy according to Japanese law. In Vietnam, circular economy is a relatively new issue, and a solid legal framework has not yet been established to ensure the effective implementation of this model. Therefore, comparative research and lessons learned from Japanese law will contribute to creating a channel for reference and an important basis to support the implementation of related research and policy development activities. related to developing a recycling society model towards a circular economy in Vietnam.

Keywords: recycling, society based on recycling, circular economy, environmental protection

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.251>

Ngày nhận bài: 17/05/2024

Ngày duyệt đăng: 13/01/2025

1. Cơ sở lý luận và pháp lý về mô hình xã hội dựa trên tái chế hướng đến kinh tế tuần hoàn ở Nhật Bản

1.1. Khái quát mô hình xã hội dựa trên tái chế

Thuật ngữ “xã hội dựa trên tái chế” lần đầu tiên xuất hiện trong thuật ngữ hành chính từ năm 1990, khi Cơ quan Môi trường của Nhật Bản thành lập Nhóm nghiên cứu hệ thống xã hội dựa trên tái chế để bảo tồn môi trường.¹ Trong những năm gần đây, khái niệm “xã hội dựa trên tái chế” đã

¹ 橋本征二ほか, “循環型社会像の比較分析”, 廃棄物学会論文誌, 年 17, 卷 3, 2006, tr. 204-218 [trans: Seiji Hashimoto et al., “Comparative analysis of visions for a recycling-oriented society”, *Journal of the Japan Society of Waste Management Experts*, Vol. 17(30), 2006, tr. 204-218].

trở thành chủ đề khá phổ biến để đề cập đến vấn đề môi trường. Nó có mối liên hệ sâu sắc với vấn đề chất thải và hiện tượng nóng lên toàn cầu.² Cụ thể, theo quy định tại Điều 2 Luật Cơ bản để thành lập xã hội dựa trên tái chế (sau đây gọi chung là “Luật Cơ bản”), “xã hội dựa trên tái chế” có nghĩa là “xã hội nơi việc tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên sẽ bị hạn chế và tải trọng môi trường sẽ được giảm đến mức có thể bằng cách hạn chế các sản phẩm,... khỏi trở thành chất thải,... thúc đẩy việc tái chế sản phẩm một cách thích hợp,... khi chúng trở thành tài nguyên có thể tái chế và đảm bảo xử lý thích hợp các tài nguyên có thể tái chế không được tái chế”. Theo đó, xã hội dựa trên tái chế có đặc điểm sau đây:

(i) Mục đích của mô hình nhằm tạo ra một xã hội xoay quanh vật chất lành mạnh, tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên một cách có kiểm soát và giảm tác động đến môi trường để hướng đến kinh tế tuần hoàn (sau đây gọi chung là “KTTH”).

(ii) Trách nhiệm thành lập mô hình thuộc về nhà nước, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và công dân.

(iii) Mô hình xã hội dựa trên tái chế có hai hoạt động chính là hạn chế nguyên liệu, sản phẩm thô và các sản phẩm tương tự trở thành chất thải; và tái chế, tiêu hủy các nguồn tài nguyên có thể tái chế không được tái chế một cách thích hợp.

Như vậy, có thể khái quát góc nhìn tổng quan về “xã hội dựa trên tái chế” như sau: Xã hội dựa trên tái chế là xã hội mà ở đó, việc tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên sẽ bị hạn chế và tải trọng của môi trường sẽ được giảm đến mức thấp nhất có thể. Xã hội này hướng đến việc giảm mức tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên bằng cách ngăn chặn việc tạo ra chất thải; sử dụng theo chu kỳ các nguồn tài nguyên có thể tái chế và đảm bảo xử lý hợp lý các tài nguyên có thể tái chế nhưng chưa hoặc không được tái chế.

1.2. Những nguyên tắc cơ bản để hình thành xã hội dựa trên tái chế

1.2.1. Nguyên tắc thành lập

Nguyên tắc thành lập xã hội dựa trên tái chế được xác định bởi Điều 3 Luật Cơ bản,³ theo đó xã hội dựa trên tái chế được thành lập thông qua việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện các hành động để hướng tới xây dựng xã hội dựa trên tái chế một cách tự chủ và tích cực phù hợp với khả năng kinh tế và công nghệ của mình. Nguyên tắc “khuyến khích” các hành động hướng tới mục đích hiện thực hóa một xã hội phát triển bền

2 Accel e-dash, “循環型社会とは？求められる理由と実現のためにできること”, 2022, [trans: Accel e-dash, “What is a recycling-oriented society? Why it is needed and what we can do to achieve it”, 2022], https://accel.e-dash.io/article_0085/, truy cập ngày 28/10/2023.

3 Việc thành lập xã hội dựa trên tái chế phải được thực hiện bằng cách khuyến khích các hành động về vấn đề này được thực hiện một cách tự chủ và tích cực tùy theo khả năng kinh tế và công nghệ của họ, với mục đích hiện thực hóa một xã hội phát triển bền vững, bằng cách thúc đẩy phát triển kinh tế hợp lý với việc giảm tải trọng cho môi trường.

vững nhằm tạo tính chủ động và sự tự giác cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, để cân bằng giữa việc vừa thúc đẩy phát triển kinh tế hợp lý vừa đảm bảo khả năng phát triển xã hội dựa trên tái chế vẫn còn là một thách thức không nhỏ.

1.2.2. Nguyên tắc phối hợp thực hiện

Điều 4 Luật Cơ bản⁴ quy định xã hội dựa trên tái chế được thiết lập và đảm bảo hiệu quả vận hành thông qua việc phối hợp để chia sẻ vai trò tương ứng một cách hợp lý giữa cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân kinh doanh và công dân. Cụ thể, trách nhiệm của các bên liên quan trên được làm rõ từ Điều 9 đến Điều 12 Luật Cơ bản như sau:

Thứ nhất, Nhà nước có trách nhiệm xây dựng và thực hiện các chính sách cơ bản, toàn diện để hình thành xã hội dựa trên tái chế, theo các nguyên tắc cơ bản để hình thành xã hội dựa trên tái chế.

Thứ hai, chính quyền địa phương có trách nhiệm thực hiện các hoạt động như sau: (i) thực hiện các biện pháp tái chế tài nguyên và xử lý chất thải thích hợp; (ii) xây dựng và thực hiện chính sách phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội.

Thứ ba, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các hoạt động như sau: (i) chịu trách nhiệm quản lý hợp lý các nguồn tài nguyên có thể tái chế (trách nhiệm của nhà sản xuất); (ii) sắp xếp hợp lý việc thiết kế, thu gom và tái chế sản phẩm trong thùng chứa một cách hợp lý hay còn gọi là cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (*extended producer responsibility*, EPR).⁵

Thứ tư, người dân có quyền và nghĩa vụ như sau: (i) sử dụng sản phẩm trong thời gian dài hơn; (ii) sử dụng sản phẩm tái chế; (iii) hợp tác thu gom riêng các tài nguyên có thể tái chế.

1.2.3. Nguyên tắc hạn chế nguyên liệu thô và các sản phẩm tương tự trở thành chất thải

Nguyên tắc hạn chế nguyên liệu thô và các sản phẩm tương tự trở thành chất thải yêu cầu phải xây dựng một hệ thống tuần hoàn tài nguyên nhằm tối đa hóa việc sử dụng tài nguyên theo vòng tròn. Điều 5 Luật Cơ bản quy định, trong xã hội dựa trên tái chế, điều quan trọng là kéo dài tuổi thọ sản phẩm càng nhiều càng tốt, nghĩa là giữ cho nguyên liệu luôn được sử dụng, bất kể ở dạng sản phẩm hoàn chỉnh hay không còn được sử dụng nữa, như

4 Việc thành lập xã hội dựa trên tái chế phải được thực hiện với các biện pháp cần thiết được thực hiện trên cơ sở phân chia vai trò hợp lý giữa Nhà nước, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và công chúng và với chi phí để các biện pháp đó được chia sẻ đúng đắn và công bằng giữa họ.

5 Nguyễn Thị, “Tìm hiểu quy định về trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì thải bỏ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (EPR- trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất) trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật bảo vệ môi trường 2020”, *Trang thông tin điện tử Vụ Pháp chế*, 2021, <https://vupc.monre.gov.vn/linh-vuc-moi-truong/3384/tim-hieu-quy-dinh-ve-trach-nhiem-tai-che-xu-ly-san-pham-bao-bi-thai-bo-cua-to-chuc-ca-nhan-san-xuat->, truy cập ngày 11/11/2023; OECD, *Extended producer responsibility: Updated guidance for efficient waste management*, OECD Publishing, Paris, 2016, <https://doi.org/10.1787/9789264256385-en>.

thành phần hay nguyên liệu thô cấu thành. Như vậy, không có thứ gì trở thành chất thải và mọi sản phẩm, nguyên liệu đều giữ được giá trị của nó.⁶ Quy định này nhằm giảm thiểu tình trạng sử dụng không kiểm soát các nguyên liệu, các sản phẩm thô... đặc biệt là việc biến một nguồn tài nguyên thiên nhiên vẫn còn nhiều giá trị thành “chất thải”. Hơn nữa, việc duy trì sử dụng sản phẩm lâu nhất có thể còn giúp cải thiện hiệu quả về chi phí và tốt hơn về các khía cạnh môi trường từ góc độ vòng đời của một sản phẩm do doanh nghiệp tạo ra. Bên cạnh đó, hành động thúc đẩy việc sử dụng hợp lý các nguồn tài chế giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc thực hiện các biện pháp cải tiến trong tái chế sản phẩm, đồng thời tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường.

1.2.4. Nguyên tắc về tái chế và thải bỏ tài nguyên có thể tái chế

Theo Điều 6 Luật Cơ bản, mô hình xã hội tái chế chú trọng đến hoạt động quản lý và tái tạo tài nguyên theo một chu trình khép kín nhằm hạn chế tối đa các chất thải được tái chế, chất thải trở thành nguyên liệu mới cho sản xuất, từ đó làm giảm các tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người. Tuy nhiên, lưu ý rằng, việc tái chế các vật liệu có thể tái chế và xử lý chất thải phải được thực hiện một cách thích hợp, không cản trở việc bảo tồn môi trường. Bởi lẽ, về cơ bản, các nguồn lực đầu vào của hệ thống tài nguyên tái chế có thể được chia thành hai loại: “tài nguyên có thể tái tạo” và “tài nguyên có hạn”. Do đó, tài nguyên sinh học và tài nguyên công nghệ cần được xử lý theo các chu trình riêng biệt và phù hợp. Điều này là do nếu cả hai được trộn lẫn ở giai đoạn thiết kế sản phẩm sẽ có tác động tiêu cực đến thế giới tự nhiên.⁷ Vì thế, khi thực hiện các biện pháp tái chế thì các chất thải phải phân loại hay phải được tái chế theo các chu trình khác nhau.

Ngoài ra, nhằm khuyến khích tạo ra một xã hội dựa trên tái chế, phát triển các biện pháp xử lý và tái chế chất thải cho dòng nguyên liệu tổng thể bao gồm trước và sau chất thải, cũng như giảm phát sinh chất thải và xử lý đúng cách, Điều 7 Luật Cơ bản cũng đặt ra thứ tự ưu tiên trong xử lý chất thải lần đầu tiên trong pháp luật môi trường Nhật Bản: (i) giảm phát sinh chất thải; (ii) tái sử dụng sản phẩm/bộ phận; (iii) tái chế vật liệu, (iv) tái chế nhiệt và (v) xử lý đúng cách. Thứ tự ưu tiên này giúp cho các chủ thể thay đổi thói quen sản xuất, tiêu dùng theo một hướng dẫn rõ ràng về biện pháp quản lý chất thải theo hướng tích cực và hiệu quả hơn.

1.3. Kế hoạch cơ bản thành lập xã hội dựa trên tái chế

Thứ nhất, về thẩm quyền ban hành, theo khoản 1 Điều 15 Luật Cơ bản, thẩm quyền ban hành Kế hoạch cơ bản Thành lập xã hội dựa trên tái chế (sau

6 The Ellen MacArthur Foundation, “Circulate products and materials”, 2022, <https://www.ellenmacarthurfoundation.org/circulate-products-and-materials>, truy cập ngày 11/11/2023.

7 Harch Inc., “循環型経済とは意味?” [trans: What is circular economy?], Ideas for good, <https://ideasforgood.jp/glossary/circular-economy/>, truy cập ngày 08/11/2023.

đây gọi chung là “Kế hoạch cơ bản”) được trao cho Nội các. Như vậy, Nội các phải xây dựng một Kế hoạch cơ bản nhằm mục đích thúc đẩy toàn diện và có hệ thống các chính sách xây dựng xã hội dựa trên tái chế.

Thứ hai, về nội dung, kế hoạch cơ bản được thiết lập dựa trên Kế hoạch môi trường cơ bản quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Môi trường cơ bản năm 1993. Cụ thể, theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Cơ bản, Kế hoạch cơ bản bao gồm ba vấn đề chính sau đây:

Một là, các nguyên tắc cơ bản thành lập một xã hội dựa trên tái chế. Nhìn chung, các nguyên tắc cơ bản thành lập một xã hội dựa trên tái chế sẽ đóng vai trò nền tảng, cốt lõi được thực hiện liên tục, xuyên suốt trong tiến trình thực hiện Kế hoạch cơ bản. Đơn cử, mối quan hệ giữa doanh nghiệp và công dân là một trong những nguyên tắc điển hình để thành lập mô hình xã hội dựa trên tái chế ở Điều 4 Luật Cơ bản. Theo đó, nghĩa vụ và gánh nặng giữa nhà sản xuất sản phẩm và người tiêu dùng đã được làm rõ (nghĩa là nhà sản xuất chịu trách nhiệm thu gom và tái chế phù hợp, còn người tiêu dùng chịu trách nhiệm về chi phí tái chế).⁸

Hai là, các vấn đề liên quan đến khó khăn trong việc tái chế và xử lý các sản phẩm, liên quan đến hoạt động kinh doanh khi chúng đã trở thành tài nguyên có thể tái chế. Ngành công nghiệp tái chế có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng mô hình xã hội hướng đến KTTH. Trên thực tế, một số tài nguyên có thể tái chế chỉ được tái chế bằng việc áp dụng khoa học – kỹ thuật tiên tiến. Do đó, Kế hoạch cơ bản này sẽ đề xuất những chủ trương, định hướng phù hợp cho từng chủ thể trong công cuộc biến chất thải trở thành nguồn tài nguyên có thể tái chế, biến tài nguyên có thể tái chế thành những sản phẩm có giá trị. Chẳng hạn, để giải quyết các vấn đề về chất thải/tái chế xung quanh việc quản lý doanh nghiệp, các chủ doanh nghiệp cần mở rộng phạm vi quản lý chất thải thông thường, làm rõ vai trò của các bên liên quan và phát triển “quản trị chất thải/tái chế”.⁹

Ba là, các vấn đề khác nhằm thúc đẩy các chính sách xây dựng xã hội dựa trên tái chế một cách toàn diện và có hệ thống. Việc thành lập một mô hình xã hội dựa trên tái chế được thực hiện dựa trên những quy định của Luật Cơ bản. Song các quy định này chỉ mang tính chất nền tảng và cốt lõi. Do đó, Kế hoạch cơ bản phải có tính dự báo kịp, tức là phải bao quát được các khả năng có thể xảy ra khi thành lập xã hội tái chế trong một chu kỳ 5 năm. Đơn cử, ở phiên bản thứ 4 của Kế hoạch cơ bản, Nội các đã chỉ ra rằng: “Các lĩnh vực ưu tiên bao gồm nhựa, sinh khối, đá và vật liệu xây dựng phổ biến gần đây”.

8 Takashi Amemiya, “Current state and trend of waste and recycling in Japan”, *International Journal of Earth & Environmental Sciences*, Vol. 3, 2018, tr. 17.

9 Waste Recycling Governance Guidelines for Waste Generating Companies, “Waste recycling governance guidelines for waste generating companies”, [https://www.meti.go.jp/policy/recycle/main/3r_policy/policy/pdf/governance/governance\(eng\).pdf](https://www.meti.go.jp/policy/recycle/main/3r_policy/policy/pdf/governance/governance(eng).pdf), truy cập ngày 05/11/2023.

Thứ ba, về trình tự, thủ tục ban hành, theo quy định từ khoản 3 đến khoản 7 Điều 15 Luật Cơ bản, trình tự, thủ tục ban hành Kế hoạch cơ bản được khái quát thành năm bước sau đây:

- Bước 1: Hội đồng Môi trường Trung ương sẽ đưa ra ý kiến của Bộ trưởng Bộ Môi trường về những hướng dẫn cụ thể để xây dựng Kế hoạch cơ bản trước ngày 01/4/2002.

- Bước 2: Bộ trưởng Bộ Môi trường lắng nghe ý kiến của Hội đồng Môi trường Trung ương chuẩn bị dự thảo Kế hoạch cơ bản và trình Nội các quyết định trước ngày 01/10/2003. Cần lưu ý rằng, trong quá trình chuẩn bị dự thảo Kế hoạch cơ bản, Bộ trưởng Bộ Môi trường sẽ tham khảo ý kiến của các bộ trưởng phụ trách các vấn đề về đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên.

- Bước 3: Sau khi có quyết định của Nội các, Bộ trưởng Bộ Môi trường sẽ ngay lập tức báo cáo Kế hoạch cơ bản lên Quốc hội và công khai kế hoạch này.

- Bước 4: Kế hoạch cơ bản thành lập sẽ được xem xét lại khoảng 5 năm/1 lần theo trình tự, thủ tục tương ứng với việc sửa đổi Kế hoạch cơ bản.

2. Quá trình phát triển pháp luật môi trường Việt Nam về hoạt động tái chế hướng đến kinh tế tuần hoàn

2.1. Quy định pháp luật về chính sách tái chế hướng đến kinh tế tuần hoàn qua các Luật Bảo vệ môi trường năm 1993, năm 2005 và năm 2014

Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi là “Luật BVMT”) năm 1993, thuật ngữ “tận dụng chất thải” được đề cập tại Điều 11 Luật BVMT năm 1993 là khởi nguồn của hoạt động tái chế chất thải. Mặc dù pháp luật chưa quy định về tái chế, nhưng có thể ngầm hiểu hình thức tận dụng chất thải là một hoạt động hướng đến việc tái chế. Bởi lẽ, theo Từ điển tiếng Việt thì “tận dụng” được hiểu là “sử dụng đến hết mọi khả năng có được, không bỏ phí”.¹⁰ Suy rộng ra, việc Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng và khai thác hợp lý thành phần môi trường trong đó có việc tận dụng chất thải tương tự với mục đích của hoạt động tái chế. Đây cũng là cách để hạn chế chất thải, thay vì phải sản xuất mới. Nhìn chung, năm 1993, Nhà nước ta đã quan tâm đến hoạt động tái chế và đưa vào chính sách “khuyến khích và tạo điều kiện” theo quy định tại Điều 11 Luật BVMT năm 1993.

Đến Luật BVMT năm 2005, thuật ngữ “tái chế” lần đầu tiên được xuất hiện. Theo đó, hoạt động tái chế được lồng ghép vào nội dung quản lý chất thải tại khoản 12 Điều 3 Luật BVMT năm 2005, cụ thể: “Quản lý chất thải là hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại chất thải”. Đây là chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích và có thể

10 Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2003, tr. 900.

nói tái chế là một trong những hoạt động xử lý chất thải cơ bản. Với ý nghĩa đó, Luật BVMT năm 2005 đã được cụ thể hóa thành một số chính sách cơ bản sau đây:

Một là, hoạt động tái chế chất thải phải được thực hiện theo một quy trình phù hợp. Tổ chức, cá nhân có hoạt động phát sinh chất thải phải phân loại chất thải tại nguồn theo các nhóm phù hợp với mục đích tái chế (khoản 1 Điều 68 Luật BVMT năm 2005). Bên cạnh đó, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thu hồi sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ như pin, ắc quy, đầu nhớt, mỡ bôi trơn... (khoản 1 Điều 67 Luật BVMT năm 2005). Ngoài ra, các chất thải sẽ được xử lý bằng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật làm giảm, loại bỏ, tiêu hủy các thành phần có hại hoặc không có ích trong chất thải. Có thể nói “trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất” bắt đầu được manh nha.

Hai là, hoạt động tái chế phải có sự tham gia của các chủ thể trong xã hội. Theo đó, Nhà nước đưa ra những ưu đãi và các quy định khác cho tổ chức, cá nhân hoạt động tái chế chất thải, sản phẩm; ưu đãi về thuế, hỗ trợ vốn, đất đai cho tổ chức, cá nhân xây dựng cơ sở tái chế chất thải (khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Luật BVMT năm 2005). Ngoài ra, tổ chức, cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải có trách nhiệm giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng để hạn chế đến mức thấp nhất lượng chất thải phải tiêu hủy, thải bỏ.¹¹

Sau một thời gian thi hành, Luật BVMT năm 2005 đã bộc lộ một số hạn chế nhất định về hoạt động quản lý chất thải. Đến Luật BVMT năm 2014, hoạt động quản lý chất thải được quy định ở Chương IX với 19 điều khoản thay vì nằm rải rác như trước đây. Từ đó, các chính sách tái chế cũng có những thay đổi nhất định phù hợp với nội dung này, cụ thể như sau:

Một là, hoạt động tái chế phải tuân theo nguyên tắc chung. Luật BVMT năm 2005 đã đưa ra một số nguyên tắc chung cho hoạt động quản lý chất thải nói chung và hoạt động tái chế nói riêng. Theo đó, các nguyên tắc tái chế chất thải của Luật BVMT năm 2014 cũng tương tự như Luật BVMT năm 2005. Chẳng hạn, phân loại chất thải để tái chế, quy trình xử lý chất thải để tái chế và chủ thể có trách nhiệm tái chế; đặc biệt, duy trì thực hiện cơ chế “trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất”.

Hai là, hoạt động tái chế phải được thực hiện một cách toàn diện, đồng bộ. Các hoạt động tái chế vô cùng đa dạng và phong phú từ đơn giản đến phức tạp. Đặc biệt, theo quy định tại Điều 153 Luật BVMT năm 2014, hoạt động quản lý chất thải nói chung và hoạt động tái chế nói riêng được nâng lên thành ngành công nghiệp môi trường.¹² Đây là một trong những bước tiến của Luật BVMT năm 2014, thể hiện sự quan tâm của toàn xã hội đối với việc tái chế chất thải.

11 Khoản 1 Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

12 Điều 153 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

Ba là, hoạt động tái chế phải phù hợp với từng loại chất thải. Nhìn chung, đến Luật BVMT năm 2014, hoạt động tái chế được mở rộng sang nhiều lĩnh vực. Theo đó, tương ứng với từng loại chất thải khác nhau sẽ được quản lý khác nhau. Đặc biệt, theo Điều 97 Luật BVMT năm 2014, “chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có phát sinh chất thải rắn thông thường có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn thông thường.”

Tóm lại, trải qua ba lần ban hành, hoạt động tái chế có những bước phát triển cơ bản như sau: (i) hoạt động tái chế được hoàn thiện hơn; (ii) hoạt động tái chế được mở rộng sang nhiều lĩnh vực; (iii) hoạt động tái chế nhận được nhiều sự quan tâm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội. Đặc biệt, ở giai đoạn từ Luật BVMT năm 2005 đến Luật BVMT năm 2014, cơ chế “trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất” được áp dụng tại Việt Nam và cơ chế này đã tạo nên một bước ngoặt trong hoạt động tái chế ở nước ta. Tuy nhiên, nhìn chung các văn bản quy định chi tiết cũng chỉ dừng lại ở việc xác định các sản phẩm, bao bì thải bỏ phải được thu gom, tái chế, xử lý; quy định trách nhiệm của nhà sản xuất trong thiết lập các điểm thu gom, trách nhiệm của người tiêu dùng sau khi thải bỏ mà chưa quy định tỷ lệ bắt buộc phải thu gom để tái chế và quy cách tái chế cũng như chưa đưa ra được một cơ chế vận hành hệ thống một cách hiệu quả, thông suốt.¹³ Như vậy, so với pháp luật Nhật Bản, các chính sách tái chế của pháp luật nước ta vẫn chỉ xoay quanh việc hạn chế và tận dụng chất thải một cách tốt nhất để bảo vệ môi trường mà chưa tập trung xây dựng mô hình xã hội tái chế.

2.2. Quy định pháp luật về chính sách tái chế hướng đến kinh tế tuần hoàn theo pháp luật hiện hành

Luật BVMT năm 2020 có những điểm mang tính đột phá khi tiếp tục khuyến khích các hoạt động tái chế, tái sử dụng đối với chất thải nói chung. Đồng thời, ngay trong nguyên tắc bảo vệ môi trường đã khẳng định nguyên tắc tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải. Ngoài ra, Luật BVMT năm 2020 lần đầu tiên đã minh thị trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất tại Điều 54 và KTTH ở khoản 11 Điều 5 Luật BVMT năm 2020. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 54, “tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải thực hiện tái chế theo tỷ lệ và quy cách tái chế bắt buộc, trừ các sản phẩm, bao bì xuất khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hoặc sản xuất, nhập khẩu cho mục đích nghiên cứu,

13 Nguyễn Thi, “Tìm hiểu quy định về trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì thải bỏ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (EPR- trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất) trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật bảo vệ môi trường 2020”, *Trang thông tin điện tử Vụ Pháp chế*, 2021, <https://vupc.monre.gov.vn/linh-vuc-moi-truong/3384/tim-hieu-quy-dinh-ve-trach-nhiem-tai-che-xu-ly-san-pham-bao-bi-thai-bo-cua-to-chuc-ca-nhan-san-xuat->, truy cập ngày 11/11/2023.

học tập, thử nghiệm.” Bên cạnh đó, khoản 11 Điều 5 Luật BVMT năm 2020 yêu cầu “lồng ghép, thúc đẩy các mô hình KTTH, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế – xã hội.”

Ngoài ra, theo Điều 88 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Hội đồng quốc gia được thành lập nhằm quản lý, giám sát việc thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất. Theo đó, nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế phải có trách nhiệm thu gom để tái chế các sản phẩm, bao bì đó (sau sử dụng) theo tỷ lệ tái chế bắt buộc và quy cách tái chế bắt buộc; nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì khó có khả năng tái chế thì phải đóng tiền vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Bên cạnh đó, để tăng cường trách nhiệm của các nhà sản xuất, nhà nhập khẩu đối với một số loại chất thải có nguy cơ cao đối với môi trường do họ sản xuất hoặc nhập khẩu, Điều 55 Luật BVMT năm 2020 còn quy định tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho thu gom, xử lý phải đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; mức đóng góp tài chính được xác định theo khối lượng hoặc đơn vị sản phẩm, bao bì để hỗ trợ các hoạt động sau đây (trừ sản phẩm xuất khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hoặc sản xuất, nhập khẩu cho mục đích nghiên cứu, học tập, thử nghiệm): (i) thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân; (ii) nghiên cứu, phát triển công nghệ, kỹ thuật, sáng kiến xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (iii) thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật.

Như vậy, Luật BVMT năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã khắc phục về cơ bản các bất cập của các Luật BVMT trước đây. Đồng thời, quy định về mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất đã được áp dụng và mang lại hiệu quả cao trong việc giảm lượng phát sinh chất thải nói chung và chất thải nhựa nói riêng. Đặc biệt, bao bì sản phẩm bằng nhựa ở Việt Nam đang phát sinh chất thải nhựa quá phổ biến, do đó, thực hiện tốt các quy định về mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất đối với việc tái chế, trong đó nguồn chất thải rắn rò rỉ ra môi trường lớn nhất là từ chất thải rắn sinh hoạt. Với các hạn chế về nguồn lực để thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, Luật BVMT năm 2020 đã có quy định mang tính đột phá để cải thiện việc phân loại, thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt.¹⁴ Mặt khác, khoản 3 Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có quy định thứ tự ưu tiên thực hiện các giải pháp cho việc quản lý chất thải, gồm: (i) tái sử dụng

14 Phạm Thị Gấm, “Quy định mới trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nhằm giải quyết vấn đề rác thải nhựa”, *Tạp chí Môi trường*, 2025, <http://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/quy-dinh-moi-trong-luat-bao-ve-moi-truong-nam-2020-nham-giai-quyet-van-de-rac-thai-nhua-25756>, truy cập ngày 11/11/2023.

sản phẩm thải bỏ; (ii) sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hoặc nâng cấp; (iii) tận dụng thành phần, linh kiện; (iv) tái chế; (v) xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng; (vi) chôn lấp chất thải. Thứ tự ưu tiên này có hình thức tương đối giống với thứ tự ưu tiên trong xử lý chất thải theo pháp luật Nhật Bản. Nhìn chung, các giải pháp theo thứ tự ưu tiên mà Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đề ra đã đúng với tinh thần của KTTH là giảm khai thác, giảm sử dụng tài nguyên, giảm chất thải và kéo dài vòng đời sản phẩm.

3. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hoạt động tái chế hướng đến kinh tế tuần hoàn

Thứ nhất, Luật BVMT chưa giải thích thuật ngữ “tái chế”. Nhìn chung, Luật BVMT năm 2020 vẫn chưa giải mã thuật ngữ “tái chế”. Điều này khác với pháp luật Nhật Bản đã quy định cụ thể về định nghĩa “tái chế”, theo khoản 4 Điều 2 Luật Cơ bản, “tái chế” là tái sử dụng, tái sinh và thu hồi nhiệt.¹⁵

Thứ hai, chính sách tái chế hướng đến phát triển KTTH chưa đạt được hiệu quả như mong đợi. Thứ tự ưu tiên thực hiện các giải pháp quản lý chất thải mang tính bắt buộc và là yêu cầu chung về quản lý chất thải rắn. Tuy nhiên, chất thải rắn có rất nhiều loại và không phải loại chất thải rắn nào cũng phù hợp với quy trình xử lý trên. Bởi lẽ, căn cứ vào đặc tính, chất thải rắn được phân loại thành chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại. Đồng thời, Luật BVMT năm 2020 cũng phân chia chất thải rắn thành nhiều loại: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn y tế, chất thải rắn nguy hại. Thực tế, trường hợp chất thải rắn đặc thù cần có những quy định riêng về thứ tự các biện pháp quản lý ưu tiên. Điển hình, đối với nhóm sản phẩm là bao bì, pin thì nên ưu tiên tái chế hơn là tái sử dụng. Trong lĩnh vực chăm sóc y tế – đặc trưng bởi các quy định vệ sinh nghiêm ngặt – có thể lấy giám sát chất thải nguy hại làm chiến lược chính. Ngay cả trong cùng một ngành, chiến lược KTTH có thể khác nhau tùy theo loại hình kinh doanh và sản phẩm.¹⁶ Do đó, cần có những biện pháp tuần hoàn phù hợp theo từng quy trình trong chuỗi giá trị dựa trên mô hình kinh doanh của họ. Nói cách khác, trong các lĩnh vực khác nhau nên có các chiến lược khác nhau và thiết kế sản phẩm dựa theo vòng đời của chúng.

15 Các khoản 4, 5 và 6 của Luật lần lượt giải thích khái niệm tái sử dụng, tái sinh và thu hồi nhiệt. Theo đó, “tái sử dụng” là việc: (i) sử dụng các nguồn tài nguyên có thể tái chế dưới dạng sản phẩm (bao gồm cả việc sử dụng chúng sau khi sửa chữa); (ii) sử dụng toàn bộ hoặc một phần tài nguyên có thể tái chế làm thành phần hoặc một phần của sản phẩm. Còn “tái sinh” là việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần tài nguyên có thể tái chế làm nguyên liệu thô, và “thu hồi nhiệt” là việc sử dụng để thu nhiệt những vật là toàn bộ hoặc một phần tài nguyên có thể tái chế và có sẵn để đốt hoặc có khả năng tương tự.

16 Ana Birliga Sutherland, “Why your circular business may not be as sustainable as you think”, *Circle economy*, 2021, <https://www.circle-economy.com/blogs/why-your-circular-business-may-not-be-as-sustainable-as-you-think>, truy cập ngày 04/11/2023.

Thứ ba, việc xây dựng tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích phát triển mô hình xã hội dựa trên tái chế hướng đến phát triển KTTH còn một số khó khăn nhất định.

Theo khoản 1 Điều 143 Luật BVMT năm 2020, “KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường”.¹⁷ Với quan điểm này, mô hình xã hội dựa trên tái chế hướng đến KTTH đã có những “mầm mống” nhất định tại Việt Nam mặc dù còn tồn tại một vài hạn chế như sau:

Một là, về tiêu chí, Luật BVMT năm 2020 chưa xây dựng được một bộ tiêu chí đo lường cụ thể mức độ tuần hoàn trong hoạt động kinh tế, thay vào đó, điểm a khoản 1 Điều 138 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP chỉ quy định “tiêu chí chung về KTTH”.

Hai là, lộ trình là điểm khác biệt rõ nét nhất của pháp luật Việt Nam so với pháp luật Nhật Bản. Theo quy định tại Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, kế hoạch hành động về KTTH gồm ba loại: (i) Kế hoạch hành động quốc gia; (ii) Kế hoạch hành động cấp tỉnh; (iii) và Kế hoạch hành động của ngành, lĩnh vực, sản phẩm. Đặc biệt, các kế hoạch này xây dựng quan điểm, mục tiêu tổng quát, mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể thực hiện KTTH trong thời kỳ kế hoạch hành động quốc gia 10 năm. Thay vì xây dựng một Kế hoạch cơ bản như Luật Cơ bản, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP chia kế hoạch hành động thành ba loại tương ứng với ba mục đích khác nhau. Bên cạnh đó, nếu so sánh về thời gian chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch để có những thay đổi phù hợp với tình hình xã hội, các kế hoạch hành động của Việt Nam có “tuổi đời” khá dài (gấp đôi) so với Kế hoạch cơ bản của Nhật Bản. Nhìn chung, chu kỳ 10 năm là con số quá dài để các kế hoạch hành động “đổi mới diện mạo”, thích nghi với điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội, đặc biệt là môi trường trong nền KTTH.

Ba là, về cơ chế khuyến khích, hiện nay, việc xây dựng và phát triển KTTH là nhiệm vụ trọng tâm và hàng đầu trong công tác bảo vệ môi trường. Do đó, pháp luật môi trường Việt Nam đặt ra cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH cho cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Song, trong lĩnh vực thuế, một khảo sát cho thấy, 53 – 55% doanh nghiệp cho rằng, quy định pháp luật “thiếu các ưu đãi kinh tế” và “chế độ thu thuế hiện hành vẫn thiên về tuyến tính” nền kinh tế và không hỗ trợ cho KTTH là những trở ngại lớn đối với sự phát triển của KTTH với mức độ ảnh hưởng rất lớn và cực kỳ ảnh hưởng.¹⁸

17 Lê Hải Đường, Đỗ Tiến Dũng, “Kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về kinh tế tuần hoàn ở một số nước trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 11(459), 2002, tr. 49.

18 Trần Minh Thiện, *Phát triển kinh tế tuần hoàn trong pháp luật Việt Nam, kinh nghiệm một số quốc gia và định hướng hoàn thiện*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Luật, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2023, tr. 30.

4. Một số kiến nghị cho Việt Nam trong việc hoàn thiện hoạt động tái chế hướng đến kinh tế tuần hoàn

Thứ nhất, khái niệm “tái chế” cần được làm rõ. Nhằm tạo ra cơ chế pháp lý và giải quyết trực tiếp các quan hệ xã hội liên quan đến việc xây dựng mô hình xã hội dựa trên tái chế, Luật BVMT cần phải giải mã thuật ngữ “tái chế”. Theo đó, thuật ngữ “tái chế” có thể được giải thích như sau: “Tái chế là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để thực hiện các hoạt động bao gồm:

(i) Sử dụng các nguồn tài nguyên có thể được tận dụng dưới dạng sản phẩm và sử dụng toàn bộ hoặc một phần tài nguyên có thể được tận dụng làm thành phần hoặc một phần của sản phẩm;

(ii) Sử dụng toàn bộ hoặc một phần tài nguyên có thể được tận dụng làm nguyên liệu thô;

(iii) Sử dụng để thu nhiệt những vật là toàn bộ hoặc một phần tài nguyên có thể được tận dụng và có sẵn để đốt hoặc có khả năng tương tự.”

Thứ hai, thiết kế thứ tự ưu tiên xử lý chất thải cần được xây dựng cụ thể và rõ ràng, học hỏi theo quy định pháp luật của Nhật Bản. Nếu việc tuân thủ các quy định trên có hiệu quả trong việc giảm tải trọng môi trường thì phải xem xét không thực hiện. Vì vậy, nhóm tác giả kiến nghị bổ sung vào khoản 3 Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP như sau: “Đối với một số sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn có quy định riêng về thứ tự ưu tiên các giải pháp thì cần áp dụng quy định riêng đó”.

Thứ ba, cần hoàn thiện việc xây dựng tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích phát triển mô hình xã hội dựa trên tái chế hướng đến phát triển KTTH. Việc xây dựng một Kế hoạch cơ bản là một trong những nhiệm vụ không thể thiếu trong việc xây dựng mô hình xã hội dựa trên tái chế hướng đến KTTH. Pháp luật Việt Nam có những quy định mang tính chất nền tảng, cốt lõi tạo điều kiện cho việc xây dựng một mô hình như vậy. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa có điều kiện triển khai trên thực tế do thiếu cơ sở pháp lý vững chắc. Do đó, việc xây dựng một Kế hoạch cơ bản hợp lý và chặt chẽ sẽ tạo điều kiện cho việc phát triển mô hình này tại Việt Nam. Tham khảo pháp luật Nhật Bản, Kế hoạch cơ bản có thể phác thảo những nội dung cơ bản như sau:

Một là, các nguyên tắc cơ bản gồm bốn nguyên tắc sau đây: (i) nguyên tắc thành lập; (ii) nguyên tắc phối hợp thực hiện; (iii) nguyên tắc hạn chế nguyên liệu thô và các sản phẩm tương tự trở thành chất thải; (iv) nguyên tắc về tái chế và thải bỏ tài nguyên có thể tái chế.

Hai là, việc xây dựng các chính sách cơ bản trong việc thành lập mô hình xã hội dựa trên tái chế hướng đến KTTH phải đảm bảo một số lưu ý nhất định. Trước tiên, các chính sách này phải phù hợp với Kế

hoạch hành động quốc gia, cấp tỉnh và ngành, lĩnh vực, sản phẩm. Tiếp theo, các chính sách này phải phù hợp với tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, nhất là môi trường của Việt Nam. Cuối cùng, phải có sự kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh trong một chu trình hợp lý. Nhóm tác giả lưu ý các chính sách phải cân bằng được hai yếu tố then chốt là “kinh tế” và “môi trường”.

Ba là, về trách nhiệm của các chủ thể, theo Luật BVMT năm 2020, trách nhiệm xây dựng KTTH được đặt ra cho toàn xã hội. Vì vậy, khi thiết lập mô hình xã hội dựa trên tái chế, các chủ thể phải tham gia với những hành động phù hợp. Tương tự mô hình của Nhật Bản, nếu nhà nước và chính quyền địa phương là chủ thể hoạch định chính sách thì doanh nghiệp và công dân là chủ thể thực hiện những chính sách. Đặc biệt, việc thành lập xã hội dựa trên tái chế phải được thực hiện với các biện pháp cần thiết trên cơ sở phân chia vai trò hợp lý giữa nhà nước, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân với chi phí được chia sẻ đúng đắn và công bằng giữa họ. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Takashi Amemiya, “Current state and trend of waste and recycling in Japan”, *International Journal of Earth & Environmental Sciences*, Vol. 3, 2018
- [2] Phạm Thị Gấm, “Quy định mới trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nhằm giải quyết vấn đề rác thải nhựa”, *Tạp chí Môi trường*, 2025 [trans: Phạm Thị Gam, “New regulations in the Environmental Protection Law 2020 aim to solve the problem of plastic waste”, *Environmental Magazine*, 2025]
- [3] OECD, *Extended producer responsibility: Updated guidance for efficient waste management*, OECD Publishing, Paris, 2016, <https://doi.org/10.1787/9789264256385-en>
- [4] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 2003 [trans: *Vietnamese Dictionary*, Da Nang Publishing House, 2003]
- [5] 橋本征二ほか, “循環型社会像の比較分析”, 廃棄物学会論文誌, 年 17, 巻 3, 2003 [trans: Hashimoto Seiji et al., “Comparative analysis of the image of a recycling-oriented society”, *Journal of the Japan Society of Waste Management*, Vol. 17(3), 2003]
- [6] Ana Birliga Sutherland, “Why your circular business may not be as sustainable as you think”, *Circle economy*, 2021
- [7] Nguyễn Thi, “Tìm hiểu quy định về trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì thải bỏ của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (EPR – trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất) trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật bảo vệ môi trường 2020”, *Trang thông tin điện tử Vụ Pháp chế*, 2021 [trans: Nguyen Thi “Learn about the regulations on the responsibility for recycling and handling of discarded products and packaging of organizations and individuals producing and importing (EPR – extended producer responsibility) in the draft Decree regulating Details of the Law on Environmental Protection 2020”, *Legal Department Website*, 2021]
- [8] Trần Minh Thiện, *Phát triển kinh tế tuần hoàn trong pháp luật Việt Nam, kinh nghiệm một số quốc gia và định hướng hoàn thiện*, Khoá luận tốt nghiệp cử nhân Luật, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2023 [trans: Tran Minh Thien, *Developing circular economy in Vietnamese law, experience of some countries and orientation for improvement*, Bachelor of Law graduation thesis, Ho Chi Minh City University of Law, 2023]